

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày 17 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hòe; Ông Rmah In.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Quốc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 43/2022/DSST ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** Bà Võ Thị C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

(*Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022, bản tự khai nguyên đơn bà Đoàn Thị T, trình bày:*

Tôi với chị Võ Thị C có mối quan hệ chị dâu con nhà cậu nên vào ngày 16/10/2016 (nhằm ngày 16/9/2016 âm lịch), chị C có nhờ tôi vay giúp cho chị 70.000.000 đồng, việc vay tiền chúng tôi có viết giấy và thỏa thuận lãi suất 12%/tháng với số tiền là 900.000đ/tháng, thời gian sau thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng là 700.000đ/tháng. Đến tháng 11/2020 chị C không trả lãi nữa, đến tháng 01/2021 chị C cam kết trả mỗi tháng 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, trả được

03 tháng là 30.000.000 đồng, sau đó chị C không trả tiền cho tôi theo cam kết nữa. Hiện nay chị C còn nợ tôi số tiền gốc 45.000.000 đồng, hàng tháng tôi đều đến đòi tiền nhưng chị C không trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu chị Võ Thị C phải trả cho tôi số tiền vay nợ là 52.162.500 đồng (*Năm mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất tính 1%/tháng, tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 24/3/2022 là 14 tháng 23 ngày với số tiền là 7.162.000 đồng.

- *Bị đơn: tại bản tự khai ngày 20/4/2022 bà Võ Thị C, trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của cô T như vậy, tôi thừa nhận là có ký giấy vay tiền của cô T với số tiền 75.000.000 đồng, tôi đã trả được 35.000.000 đồng tiền gốc, công việc làm ăn gặp khó khăn nên không trả được nữa. Nay cô T khởi kiện yêu cầu tôi phải trả 45.000.000 đồng nợ gốc tôi không đồng ý, tôi chỉ còn nợ gốc 40.000.000 đồng. Tôi cam kết sẽ trả dần, mỗi năm tôi trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ, tiền lãi không chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: Bà T cung cấp Giấy ghi nhận nợ, giấy lập ngày 16/9/2016 (âm lịch) với số tiền 75.000.000đ, lãi 12%/tháng, 01 tháng lãi 900.000 đồng, có chữ ký của bà Võ Thị C.

Bà Võ Thị C làm đơn xin vắng mặt, trong đơn bà C trình bày:

Tôi đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tôi có vay nợ của cô T số tiền 75.000.000 đồng, tôi đã trả được 35.000.000 đồng nợ gốc. Hiện nay tôi chỉ còn nợ cô T số tiền 40.000.000 đồng, cô T khởi kiện yêu cầu tôi trả 45.000.000 đồng tôi không chấp nhận, tôi chỉ còn nợ 40.000.000 đồng. Do làm ăn khó khăn và cũng có nhiều người đang nợ tôi mà họ chưa trả cho tôi được, nên tôi cam kết sẽ trả cho cô T một năm 3.000.000 đồng đến khi trả xong nợ.

Về lãi suất: Trong quá trình vay tôi có ký giấy vay nợ và thoả thuận lãi suất 12%/tháng. Sau đó tôi có trả lãi đến hết năm 2020, đến tháng 01 năm 2021 hai bên thoả thuận không tính lãi và tôi cam kết trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc hàng tháng, tôi đã trả được 30.000.000 đồng, sau đó tôi có trả thêm được 5.000.000 đồng. Việc trả nợ tôi chỉ đưa tiền cho cô T mà không viết giấy tờ gì. Hiện nay tôi còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền gốc. Do đã thống nhất không tính lãi từ tháng 01 năm 2021 nên cô T yêu cầu tính lãi suất tôi không chấp nhận.

Tuy nhiên, tôi rất bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa được nên tôi làm đơn này xin được vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hoà giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Võ Thị C có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị T số tiền nợ gốc 45.000.000đ, về lãi suất, do bà C không trả tiền nợ theo đúng như cam kết nên bà T yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 17/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 19 tháng 17 ngày, với số tiền là 8.805.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của BLTTDS.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 466, 468, 470 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị C phải trả cho bà Đoàn Thị T số tiền vay nợ gốc là 45.000.000đ và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.805.000 đồng.

Bà Võ Thị C phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật:* Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa

bà Đoàn Thị T với bà Võ Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn Võ Thị C, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 16/10/2016 bà Đoàn Thị T có cho bà Võ Thị C vay số tiền 75.000.000 đồng, việc vay tiền có viết giấy tay có bà C ký nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 12%/tháng với số tiền lãi 900.000 đồng/tháng. Đến tháng 11/2020 bà C không thực hiện việc trả lãi suất nữa. Đến tháng 01 năm 2021 bà C và bà T thỏa thuận việc bà C mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, sau đó bà C trả được 30.000.000 đồng tiền nợ gốc thì bà C không trả nữa, bà T cho rằng đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng bà C không chịu trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà C phải trả số nợ gốc là 45.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021.

Bị đơn, bà Võ Thị C thừa nhận là có ký giấy vay tiền của bà T với số tiền gốc 75.000.000đ và có thỏa thuận lãi như bà T khởi kiện. Đến tháng 01 năm 2021 đã thỏa thuận mỗi tháng bà C phải trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và hai bên thống nhất không tính lãi suất, bà C cho rằng đã trả được 35.000.000 đồng nợ gốc, chỉ còn nợ gốc 40.000.000 đồng nhưng không cung cấp được giấy tờ gì. Bà T khởi kiện yêu cầu trả 45.000.000 đồng nợ gốc cùng với lãi suất, bà C không đồng ý, bà C cho rằng chỉ còn nợ 40.000.000 đồng nợ gốc, cam kết trả mỗi năm 3.000.000 đồng, về lãi suất do đã thỏa thuận không tính từ tháng 01 năm 2021 nên bà C không đồng ý với yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà C phải trả số tiền nợ gốc là 45.000.000đ theo giấy ký nhận nợ lập ngày 16/10/2016 nguyên đơn cung cấp và có chữ ký của bà C và C thừa nhận có ký nhận nợ, cho rằng chỉ còn nợ 40.000.000 đồng nợ gốc mà không phải là 45.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện nhưng không có giấy tờ gì và không được bà T đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc bà Võ Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị T số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng.

Về lãi suất: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có tính lãi suất theo giấy ghi nợ là 12%/tháng với số tiền 900.000 đồng/tháng, bà T trình bày là sau đó thỏa thuận lại là 700.000đ/tháng nhưng bà C không có ý kiến gì về vấn đề

này, bà C đã thực hiện trả lãi được đến tháng 11/2020 nhưng hai bên không đưa ra cụ thể là đã giao nhận bao nhiêu tiền lãi, sau đó bà C không trả nữa. Tháng 01 năm 2021 các bên thống nhất việc bà C sẽ trả tiền nợ gốc mỗi tháng là 10.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng, tuy nhiên các bên có thỏa thuận lại việc tiếp tục trả lãi hay không trả đều không thể hiện bằng văn bản nên ý kiến của bà C không đồng ý tính lãi với lý do đã thỏa thuận lại việc bà T không tính lãi từ tháng 01 năm 2021 và cũng không có chứng cứ để chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà C. Do có thỏa thuận rõ về mức lãi suất ghi trong giấy nợ là 12%/tháng (tương đương 12.000đ/triệu/tháng), các bên cho rằng có thỏa thuận khác nhưng không ghi trong giấy nợ và hai bên không thống nhất nên chỉ căn cứ vào lãi suất ghi trong giấy nợ để tính lãi, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu 1%/tháng thấp hơn mức các bên tự nguyện thỏa thuận khi vay là phù hợp với pháp luật cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Võ Thị C phải trả lãi suất 1%/tháng (10.000đ/triệu/tháng), tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19 tháng 17 ngày, với số tiền là 8.805.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên buộc bà C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm: (53.805.000đ x 5%) 2.690.250đ. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 274; 275; 280; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thủy về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Võ Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị T số tiền nợ là 53.805.000 (*Năm mươi ba triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng*). Trong đó: nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (17/8/2022) là 8.805.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản*

*tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

*Về án phí: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 2.690.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) (Lấy tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.*

*Trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền 1.304.000 đồng (Một triệu ba trăm lẻ tư nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0013069 ngày 30/3/2022 (Võ Thành Đ nộp thay).*

*Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.*

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hồi**